

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN
Ngày Thi: 24/8/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB8723	Nguyễn Xuân	Ái	30/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
2	BKCB8724	Võ Nguyễn Tuấn	An	13/03/2006	Lâm Đồng	8.33	8.5	Đạt	
3	BKCB8725	Mai Ngọc Quỳnh	Anh	04/10/2002	Đồng Nai	6.0	9.33	Đạt	
4	BKCB8726	Phạm Thị Lan	Anh	12/01/2000	Tây Ninh	8.33	5.0	Đạt	
5	BKCB8727	Trần Quỳnh	Anh	16/08/1999	Đắk Lắk				Vắng
6	BKCB8728	Nguyễn Thái	Bảo	10/08/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	4.17	Không đạt	
7	BKCB8729	Nguyễn Quốc	Bình	25/11/2005	Bình Phước	9.0	5.67	Đạt	
8	BKCB8730	Đinh Thị	Cầm	17/09/2006	Hà Tĩnh	9.67	8.5	Đạt	
9	BKCB8731	Nguyễn Viết	Cảnh	08/03/2004	Đồng Nai	8.67	7.83	Đạt	
10	BKCB8732	Huỳnh Thị Mỹ	Chung	08/05/1997	Phú Yên	9.0	6.83	Đạt	
11	BKCB8733	Trần Thị Cẩm	Chương	17/03/2001	Vĩnh Long	5.0	3.5	Không đạt	
12	BKCB8734	Nguyễn Phan Linh	Đan	17/01/2000	Bình Dương	9.0	7.83	Đạt	
13	BKCB8735	Nguyễn Quốc	Đăng	13/07/2003	Bình Dương	8.0	6.83	Đạt	
14	BKCB8736	Phạm Hữu	Danh	11/08/2005	Đồng Tháp	9.0	6.5	Đạt	
15	BKCB8737	Lê Thanh Thành	Đạt	16/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.67	Đạt	
16	BKCB8738	Nguyễn Danh	Đạt	04/10/2000	Tiền Giang	8.67	7.33	Đạt	
17	BKCB8739	Trịnh Tiến	Đạt	06/04/2006	Bình Định	6.0	7.17	Đạt	
18	BKCB8740	Lê Kiều	Diễm	19/12/2004	Quảng Ngãi	7.67	4.5	Không đạt	
19	BKCB8741	Nguyễn Ngọc	Diễm	15/11/1975	Kiên Giang	9.67	6.83	Đạt	
20	BKCB8742	Bùi Phước	Dĩnh	26/10/2000	Đồng Tháp	7.67	3.5	Không đạt	
21	BKCB8743	Nguyễn Uyên	Đình	03/11/1999	Cà Mau	9.33	8.83	Đạt	
22	BKCB8744	Đoàn Thành	Đô	23/01/1995	Nam Định	7.67	8.33	Đạt	
23	BKCB8745	Đỗ Hoàng	Đông	20/02/1995	Long An	7.33	7.33	Đạt	
24	BKCB8746	Phạm Nguyễn Đại	Đức	28/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	6.33	Đạt	
25	BKCB8747	Mai Thị Thuỳ	Dung	04/09/1989	Bến Tre	7.0	6.17	Đạt	
26	BKCB8748	Đào Thanh	Duy	17/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
27	BKCB8749	Lê Thị Thúy	Duy	15/12/2002	Tây Ninh	9.33	8.83	Đạt	
28	BKCB8750	Trần Hoài	Duy	04/04/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.67	8.33	Đạt	
29	BKCB8751	Nguyễn Khánh Trà	Giang	02/11/2003	Trà Vinh	8.0	7.0	Đạt	
30	BKCB8752	Nguyễn Thị Trà	Giang	22/08/2000	Gia Lai	10.0	7.33	Đạt	
31	BKCB8753	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	19/09/2003	Bình Thuận	9.33	6.67	Đạt	
32	BKCB8754	Nguyễn Thị	Hà	12/10/2005	Đắk Lắk	6.33	7.67	Đạt	
33	BKCB8755	Hoàng Lê Ngọc	Hân	25/08/2003	Kon Tum	10.0	5.83	Đạt	
34	BKCB8756	Trần Ngọc	Hân	17/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.83	Đạt	
35	BKCB8757	Dương Lữ Ngọc	Hân	26/06/2005	Tiền Giang	10.0	9.33	Đạt	
36	BKCB8758	Phạm Lê Thị Thanh	Hằng	04/02/2005	Ninh Thuận	9.33	7.83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
37	BKCB8759	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	18/03/2000	Sóc Trăng	9.33	7.0	Đạt	
38	BKCB8760	Trần Tuyết	Hạnh	24/06/2003	Hà Tĩnh	9.67	6.83	Đạt	
39	BKCB8761	Châu Nhật	Hào	18/04/2000	Đồng Tháp	9.33	9.5	Đạt	
40	BKCB8762	Võ Sơn	Hào	11/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt	
41	BKCB8763	Đào Thị Mỹ	Hiền	26/12/1989	Bình Định	8.0	4.17	Không đạt	
42	BKCB8764	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.17	Đạt	
43	BKCB8765	Lê Thị Ngọc	Hiếu	15/11/2000	Đồng Tháp	9.33	6.67	Đạt	
44	BKCB8766	Tăng Minh	Huân	17/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	7.0	Đạt	
45	BKCB8767	Trần Nguyễn	Hùng	25/07/2002	Bình Phước	6.33	9.17	Đạt	
46	BKCB8768	Đặng Gia	Hưng	02/09/2001	Tây Ninh	9.0	7.17	Đạt	
47	BKCB8769	Lê Thị Mỹ	Hương	12/03/2000	Tiền Giang	9.33	8.83	Đạt	
48	BKCB8770	Trù Thị Hương	Huỳnh	17/05/2006	Tây Ninh	9.33	8.83	Đạt	
49	BKCB8771	Lương Huỳnh Nhật	Khang	07/07/2003	Cần Thơ	9.67	0.0	Không đạt	Chép nhầm shortcut
50	BKCB8772	Võ Việt	Khánh	07/10/2005	Bình Định	9.67	7.0	Đạt	
51	BKCB8773	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	28/05/1987	Đắk Lắk	8.0	6.33	Đạt	
52	BKCB8774	Nguyễn Trần Ngọc	Khuyên	11/12/1981	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	5.67	Đạt	
53	BKCB8775	Nguyễn Thị Hồng	Lắm	03/01/2001	Tây Ninh	9.67	7.0	Đạt	
54	BKCB8776	Lê Khánh	Linh	05/04/2001	Bình Phước	6.0	8.5	Đạt	
55	BKCB8777	Nguyễn Thái Phi	Long	20/04/1999	Đồng Nai	10.0	9.17	Đạt	
56	BKCB8778	Bùi Khánh	Ly	02/03/2004	Lâm Đồng	9.0	6.5	Đạt	
57	BKCB8779	Nguyễn Minh	Lý	13/02/1999	An Giang	8.67	6.83	Đạt	
58	BKCB8780	Nguyễn Ngọc Bích	Mai	27/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.33	Đạt	
59	BKCB8781	Lương Thị Tuyết	Minh	01/10/1970	Hải Phòng	9.33	6.17	Đạt	
60	BKCB8782	Nguyễn Trần Nhật	Minh	19/02/2006	Hà Nội	5.33	6.0	Đạt	
61	BKCB8783	Nguyễn Kiều	My	11/09/2005	Đồng Tháp	5.67	7.17	Đạt	
62	BKCB8784	Trần Thị	My	04/02/2005	Bình Thuận	10.0	9.0	Đạt	
63	BKCB8785	Trần Thị Diễm	My	15/05/2001	Long An	8.67	9.0	Đạt	
64	BKCB8786	Lê Thái Bảo	Nam	31/10/2014	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	9.0	Đạt	
65	BKCB8787	Phan Hoàng	Nam	12/06/1992	Long An	10.0	9.5	Đạt	
66	BKCB8788	Nguyễn Thu	Nga	10/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.67	Đạt	
67	BKCB8789	Phạm Nguyệt	Nga	07/01/2001	Long An	7.67	7.33	Đạt	
68	BKCB8790	Mai Quỳnh	Nga	10/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.67	Đạt	
69	BKCB8791	Nguyễn Thị Thanh	Nga	31/10/2000	Bến Tre	9.0	7.83	Đạt	
70	BKCB8792	Châu Thị Kim	Ngân	02/07/2003	Thừa Thiên Huế	7.0	8.33	Đạt	
71	BKCB8793	Lê Hoàng	Ngân	01/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	9.0	Đạt	
72	BKCB8794	Nguyễn Hà Huế	Ngân	02/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.33	Đạt	
73	BKCB8795	Trần Thị Yên	Ngân	04/05/2005	Vĩnh Long	9.67	8.83	Đạt	
74	BKCB8796	Bùi Ngọc Phương	Nghi	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.33	Đạt	
75	BKCB8797	Nguyễn Trung	Nghị	15/09/2005	Vĩnh Long	10.0	9.5	Đạt	
76	BKCB8798	Đặng Thị Hồng	Ngọc	30/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.33	Đạt	
77	BKCB8799	Đào Thị Liên	Ngọc	19/09/1990	Tây Ninh	8.0	7.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
78	BKCB8800	Phạm Xuân Kim	Ngọc	05/04/2004	Khánh Hòa	7.33	7.0	Đạt	
79	BKCB8801	Ngô Thị	Ngọc	20/03/1986	Hà Tĩnh	6.33	5.83	Đạt	
80	BKCB8802	Lê Hồ Thảo	Nguyên	19/05/2005	Đắk Lắk	10.0	9.33	Đạt	
81	BKCB8803	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	26/06/1999	Đồng Tháp	10.0	8.83	Đạt	
82	BKCB8804	Ngô Thị Kiều	Nhi	27/03/1998	Bình Thuận	9.0	7.0	Đạt	
83	BKCB8805	Ngô Yến	Nhi	10/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.5	Đạt	
84	BKCB8806	Phan Điền	Nhi	25/01/2002	Gia Lai	8.67	7.67	Đạt	
85	BKCB8807	Đỗ Thị Huỳnh	Như	25/11/2001	Đồng Tháp	9.0	7.83	Đạt	
86	BKCB8808	Nguyễn Ngọc Minh	Như	04/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.83	Đạt	
87	BKCB8809	Nguyễn Minh	Nhuận	18/01/2005	Tiền Giang	10.0	9.5	Đạt	
88	BKCB8810	Trần Ngọc Nam	Phong	09/12/2003	Bình Phước				Vắng
89	BKCB8811	Đào Hoàng	Phúc	27/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.5	Đạt	
90	BKCB8812	Lê Đình	Phúc	20/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
91	BKCB8813	Lê Nguyễn Hữu	Phúc	11/09/1999	Quảng Ngãi	9.0	9.33	Đạt	
92	BKCB8814	Nguyễn Vũ Tuyết	Phương	04/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	5.83	Đạt	
93	BKCB8815	Cao Nam	Phương	08/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
94	BKCB8816	Nguyễn Thị Hồng	Quyển	20/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	5.17	Đạt	
95	BKCB8817	Nguyễn Ngọc Trang	Quỳnh	06/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	5.5	Đạt	
96	BKCB8818	Phan Thiệu	Sang	24/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.17	Đạt	
97	BKCB8819	Nguyễn Ngọc Ngân	Tâm	03/09/2002	Bến Tre	6.67	6.5	Đạt	
98	BKCB8820	Nguyễn Trần Duy	Tâm	08/11/2005	Tây Ninh	9.33	7.33	Đạt	
99	BKCB8821	Đào Thanh	Tân	10/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.17	Đạt	
100	BKCB8822	Phạm Hùng	Tấn	29/06/2006	Bình Phước	7.33	6.0	Đạt	
101	BKCB8823	Nguyễn Minh	Thái	10/01/1997	Sơn La	7.33	7.33	Đạt	
102	BKCB8824	Nguyễn Hoàng	Thắng	28/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.17	Đạt	
103	BKCB8825	Vu Vân	Thanh	19/07/1980	Bạc Liêu	8.33	8.5	Đạt	
104	BKCB8826	Nguyễn Ngọc	Thảo	19/09/2007	Long An	9.33	8.67	Đạt	
105	BKCB8827	Phạm Thị Lan	Thảo	29/10/2006	Quảng Ngãi	8.33	6.67	Đạt	
106	BKCB8828	Đồng Văn Hữu	Thiện	07/07/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.0	Đạt	
107	BKCB8829	Nguyễn Minh	Thư	26/10/2006	Đồng Nai	10.0	7.67	Đạt	
108	BKCB8830	Nguyễn Thị Anh	Thư	15/07/2006	Tây Ninh	9.33	8.0	Đạt	
109	BKCB8831	Phan Thanh Anh	Thư	30/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.33	Đạt	
110	BKCB8832	Phạm Minh	Thuận	21/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.67	Đạt	
111	BKCB8833	Trịnh Diễm	Thúy	07/12/2005	Cần Thơ	9.67	7.67	Đạt	
112	BKCB8834	Nguyễn Phương	Thùy	01/07/2005	Đắk Lắk	9.0	9.0	Đạt	
113	BKCB8835	Trang Ngọc	Tiên	23/07/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.17	Đạt	
114	BKCB8836	Phạm Thị	Tiên	07/09/1985	An Giang	9.33	8.5	Đạt	
115	BKCB8837	Nguyễn Thị Phúc	Trâm	17/01/2005	Đắk Lắk	8.0	9.33	Đạt	
116	BKCB8838	Nông Thị Ngọc	Trâm	15/06/2005	Bình Phước	10.0	9.33	Đạt	
117	BKCB8839	Nguyễn Ngọc	Trang	05/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	6.83	Đạt	
118	BKCB8840	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	20/10/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	9.33	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
119	BKCB8841	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	17/10/2001	Bình Phước	7.67	9.5	Đạt	
120	BKCB8842	Thái Ngọc	Trang	05/01/2001	Tây Ninh	10.0	9.83	Đạt	
121	BKCB8843	Chung Huệ	Trinh	10/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.33	Đạt	
122	BKCB8844	Nguyễn Thị Tú	Trinh	07/04/2003	Bến Tre	8.67	7.17	Đạt	
123	BKCB8845	Trần Thị	Trinh	05/11/2006	Bình Phước	7.0	4.17	Không đạt	
124	BKCB8846	Hứa Thị Thanh	Trúc	12/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.33	Đạt	
125	BKCB8847	Nguyễn Đức	Trung	01/05/1999	Lâm Đồng	7.0	9.33	Đạt	
126	BKCB8848	Nguyễn Đức Minh	Trung	03/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	7.0	Đạt	
127	BKCB8849	Trần Hoàng Nhã	Tú	02/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	7.0	Đạt	
128	BKCB8850	Lê Huy	Tú	27/02/2001	Bến Tre	8.0	6.83	Đạt	
129	BKCB8851	Nguyễn Văn	Tuyên	13/03/2003	Ninh Bình	8.33	7.33	Đạt	
130	BKCB8852	Phạm Thị Cẩm	Tuyết	09/03/2002	Tiền Giang	6.33	7.17	Đạt	
131	BKCB8853	Nguyễn Thành Thảo	Uyên	17/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.0	Đạt	
132	BKCB8854	Nguyễn Bảo	Vân	22/05/2002	Đắk Nông	10.0	9.5	Đạt	
133	BKCB8855	Lâm Hải	Vân	23/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	9.17	Đạt	
134	BKCB8856	Trần Ái	Vi	23/09/1999	Cà Mau	10.0	8.67	Đạt	
135	BKCB8857	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	30/11/2000	Cà Mau	10.0	8.67	Đạt	
136	BKCB8858	Trần Quang	Vinh	27/08/2004	Phú Yên	8.67	6.17	Đạt	
137	BKCB8859	Nguyễn Quốc	Vũ	02/06/2001	Bình Định	8.0	5.0	Đạt	
138	BKCB8860	Nguyễn Thị Tường	Vy	07/12/2004	Quảng Ngãi	10.0	9.5	Đạt	
139	BKCB8861	Võ Thị Kim	Vy	24/06/2002	Tây Ninh	9.33	9.17	Đạt	
140	BKCB8862	Hồ Thị Thanh	Xuân	10/12/1990	Long An	10.0	7.83	Đạt	
141	BKCB8863	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	16/05/2002	Hà Nam	10.0	7.83	Đạt	
142	BKCB8864	Lâm Hải	Yến	24/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.0	Đạt	
143	BKCB8865	Ngô Thị	Yến	18/09/1988	Hà Nam				Vắng
144	BKCB8866	Ngô Thị Hải	Yến	16/10/2005	Bà Rịa - Vũng Tàu	8.67	6.0	Đạt	
145	BKCB8867	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/04/2001	Đắk Lắk	8.33	9.33	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:

145

Số lượng hiện diện:

140

Số thí sinh đạt:

133

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam